

Bản án số: 73/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 30-9-2024  
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Khanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Hoài Tân
- Bà Lê Ngọc Kiệp

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Châu Ngọc Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn Ú, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà L và ông Ú xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông Ú tự nguyện chung sống như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 2010. Đến năm đầu năm 2018 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện V cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/8/2018. Thời gian đầu, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến năm 2020 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do thường xuyên cãi nhau, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên bà và ông Ú đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với ông Ú.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có con chung, nợ

chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Bị đơn ông Phạm Văn Ú trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/9/2024:* Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L. Ông thống nhất với lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông Ú, cho bà L và ông Ú ly hôn; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông Ú xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Bà L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã triệu tập bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn Ú họp lẽ lần hai nhưng vắng mặt. Bà L và ông Ú có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông Ú.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà L khởi kiện ly hôn với bị đơn ông Ú, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Ú hiện đang cư trú tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Ú tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 2010; đến năm 2018 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/8/2018 nên hôn nhân của bà L và ông Ú là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà L xác định, bà là ông Ú thường xuyên cãi nhau và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên bà và ông Ú đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/9/2024, ông Ú xác định đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân được hình thành trên nguyên tắc tự nguyện, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía. Bà L và ông Ú xác định, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau và đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Ú đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thực tế không thể hàn gắn, đời sống chung giữa bà L và ông Ú đã không thể tiếp tục duy trì và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn

cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, xử cho bà L được ly hôn với ông Ú.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông Ú xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình.

[6] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- **Điểm a khoản 1 Điều 24**, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L. Cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Phạm Văn Ú.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn Ú xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình. Bà Nguyễn Thị L đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004178 ngày 18/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi nên chuyển thu án phí.

4. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

#### ***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Ủy ban nhân dân xã Hưng Thành, huyện Vĩnh Lợi;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Khanh**

